**MỘT SỐ GÓP Ý DỰ THẢO LUẬT GIAO DỊCH ĐIỆN TỬ (DỰ THẢO 6/2/2023)  
---------**

Luật sư Châu Việt Bắc   
Trung tâm Trọng tài Quốc tế Việt Nam

| **Luật Giao dịch điện tử năm 2005** | **SO SÁNH** | **Dự thảo tiếp thu, chỉnh lý (ngày 6/2/2023)** | **Góp ý Dự thảo ngày 6/2/2023** |
| --- | --- | --- | --- |
| **Chương I**  **NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG** |  | **Chương I**  **NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG** | **Chương I**  **NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG** |
| **Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**  Luật này quy định về giao dịch điện tử trong hoạt động của các cơ quan nhà nước; trong lĩnh vực dân sự, kinh doanh, thương mại và các lĩnh vực khác do pháp luật quy định.  Các quy định của Luật này không áp dụng đối với việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và các bất động sản khác, văn bản về thừa kế, giấy đăng ký kết hôn, quyết định ly hôn, giấy khai sinh, giấy khai tử, hối phiếu và các giấy tờ có giá khác. | Sửa đổi | **Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**  *1. Luật này quy định việc thực hiện giao dịch bằng phương tiện điện tử.*  *2. Luật này không quy định về nội dung của giao dịch. Luật khác quy định giao dịch không thực hiện bằng phương tiện điện tử thì tuân thủ theo quy định của Luật đó.* | ***Nhất trí với điều chỉnh khoản 1 vì:***  + Phù hợp với các luật mẫu của Uncitral có qui định rất ngắn gọn như: Luật mẫu về thương mại điện tử 1996, Luật mẫu về chuyển đổi thông điệp điện tử 2017.  + Qui định như Dự thảo chỉ phù hợp với giai đoạn 2005 khi giao dịch điện tử của Viêt Nam chưa phát triển với qui định trong tất cả lĩnh vực: Thương mai, hành chính, dân sự … nhằm mục đích làm rõ “không chỉ riêng lĩnh vực thương mại” mà còn trong lĩnh vực khác.  **Đối với khoản 2:**  + Nhất trí cách tiếp cận bỏ qui định pham vị loại trừ theo khoản 2, Điều 1 Luật 2005, tiếp thu từ Luật mẫu TMĐT của Uncitral 1996 với phạm vi loại trừ việc áp dụng là các giấy tờ có giá, công cụ chuyển nhương. Do hiện nay TMĐT đã phát triển vượt bậc, nên để việc loại trừ này ngay trong luật chuyên ngành điều chỉnh sẽ phù hợp hơn.  + Đề nghị bỏ câu “Luật này không qui định về nội dung của giao dịch” vì: Nội dung của giao dịch chính là nội dung của thông điệp dữ liệu. Tôi hiểu rằng việc bổ sung nội dung này trong Dự thảo với mục đích làm rõ là pháp luật khác sẽ điều chỉnh nội dung giao dịch như BLDS, LTM, LKDBDS,…. Tuy nhiên, việc bổ sung như dự thảo là không cần thiết vì dư thừa và có thể không thống nhất với các qui định vẫn được xem là điều chỉnh nội dung giao dịch có nêu trong Dự thảo như: khoản 1, Điều 12 qui định “tính nguyên vẹn của nội dung thông điệp dữ liệu”, điểm d, khoản 1 Điều 14: “Thông điệp dữ liệu phải có thông tin cá nhân, tổ chức thực hiện việc chuyển đổi…”  **+** Sửa câu “Luật khác quy định giao dịch không thực hiện bằng phương tiện điện tử thì tuân thủ theo quy định của Luật đó” thành “Luật khác **có** quy định giao dịch không **được** thực hiện bằng phương tiện điện tử thì tuân thủ theo quy định của Luật đó” để tránh hiểu nhầm các qui định phổ biến hiện nay trên thực tế như: “[…] giao dịch phải được lập bằng văn bản” thì không có thể xem là loại trừ hình thức giao dịch bằng phương tiện điện tử. |
| **Điều 4. Giải thích từ ngữ**  12. Thông điệp dữ liệu là thông tin được tạo ra, được gửi đi, được nhận và được lưu trữ bằng phương tiện điện tử. | Sửa đổi | **Điều 3. Giải thích từ ngữ**  22. Thông điệp dữ liệu là thông tin được tạo ra, được gửi đi, được nhận và được lưu trữ bằng phương tiện điện tử. | Đề nghị sửa lại thành:  22. Thông điệp dữ liệu là thông tin được tạo ra, được gửi đi, được nhận **HOẶC** được lưu trữ bằng phương tiện điện tử.  Lý do sửa: Luật giao dịch điện tử 2005 đã định nghĩa chưa chính xác thông điệp dữ liệu (từ “hoặc” bị nhầm thành “và”) đã được chuẩn hóa trong các luật mẫu của Uncitral và luật điện tử của các quốc gia khác. |
| **Chương II**  **THÔNG ĐIỆP DỮ LIỆU** |  | **Chương II**  **THÔNG ĐIỆP DỮ LIỆU** | **Chương II**  **THÔNG ĐIỆP DỮ LIỆU** |
| **Mục 1**  **GIÁ TRỊ PHÁP LÝ  CỦA THÔNG ĐIỆP DỮ LIỆU** |  | **Mục 1**  **GIÁ TRỊ PHÁP LÝ  CỦA THÔNG ĐIỆP DỮ LIỆU** | **Mục 1**  **GIÁ TRỊ PHÁP LÝ  CỦA THÔNG ĐIỆP DỮ LIỆU** |
| **Điều 12. Thông điệp dữ liệu có giá trị như văn bản**  Trường hợp pháp luật yêu cầu thông tin phải được thể hiện bằng văn bản thì thông điệp dữ liệu được xem là đáp ứng yêu cầu này nếu thông tin chứa trong thông điệp dữ liệu đó có thể truy cập và sử dụng được để tham chiếu khi cần thiết. | Sửa đổi | **Điều 11. Thông điệp dữ liệu có giá trị như văn bản**  Trường hợp pháp luật yêu cầu thông tin phải được thể hiện bằng văn bản thì thông điệp dữ liệu được xem là đáp ứng yêu cầu này nếu thông tin chứa trong thông điệp dữ liệu đó có thể truy cập và sử dụng được để tham chiếu khi cần thiết.  Trường hợp pháp luật yêu cầu văn bản phải được *công chứng, chứng thực thì thông điệp dữ liệu được xem là đáp ứng yêu cầu nếu được công chứng, chứng thực theo quy định của pháp luật về công chứng, chứng thực.* | Đề nghị giữ nguyên như nội dung Luật 2005 vì:  + Điều 11 qui định về thuộc tính của thông điệp dữ liệu là văn bản. Do đó, qui định về hình thức bắt buộc đối với một số giao dịch đặc thù là “công chứng”, “chứng thực” trong Điều 11 là không phù hợp.  + Công chứng và chứng thực là hình thức đối với các văn bản giấy trong môi trường truyền thống, không phù hợp với môi trường điện tử, số và không có hoạt động tiếp xúc trực tiếp để các công chứng viên, .. kiểm tra năng lực hành vi của chủ thể giao dịch…đặc biệt với đặc tính của giao dịch điện tử là không biên giới.  + Đối với các điều kiện hình thức của một số giao dịch, ngoài công chứng, chứng thực còn một số hình thức khác như: hợp thức hóa lãnh sự, đăng ký,…..không thể đưa tất cả hình thức giao dịch đặc biệt vào Dự thảo. |
| **Điều 14. Thông điệp dữ liệu có giá trị làm chứng cứ**  1. Thông điệp dữ liệu không bị phủ nhận giá trị dùng làm chứng cứ chỉ vì đó là một thông điệp dữ liệu.  2. Giá trị chứng cứ của thông điệp dữ liệu được xác định căn cứ vào độ tin cậy của cách thức khởi tạo, lưu trữ hoặc truyền gửi thông điệp dữ liệu; cách thức bảo đảm và duy trì tính toàn vẹn của thông điệp dữ liệu; cách thức xác định người khởi tạo và các yếu tố phù hợp khác. | Sửa đổi | **Điều 13. Thông điệp có giá trị làm chứng cứ**  1. Thông điệp dữ liệu không bị phủ nhận giá trị dùng làm chứng cứ chỉ vì đó là một thông điệp dữ liệu.  2. Giá trị chứng cứ của thông điệp dữ liệu được xác định căn cứ vào độ tin cậy của cách thức khởi tạo, gửi, nhận hoặc lưu trữ thông điệp dữ liệu; cách thức bảo đảm và duy trì tính nguyên vẹn của thông điệp dữ liệu; cách thức xác định người khởi tạo, gửi, nhận thông điệp dữ liệu và các yếu tố phù hợp khác. | Đề nghị sửa cụm từ: “cách thức xác định người khởi tạo, gửi, nhận thông điệp dữ liệu và các yếu tố phù hợp khác” thành “cách thức xác định người khởi tạo và các yếu tố phù hợp khác” vì việc bổ sung “người gửi, nhận và lưu trữ” là không cần thiết bởi lẻ tính xác thực của chứng cứ chỉ cần “người khởi tạo” có đầy đủ năng lực khởi tạo ra thông điệp dữ liệu và bảo đảm trọn vẹn thông tin là đủ. Việc xác định các chủ thể khác tham gia chuỗi giao dịch không thể là yếu tố quan trọng để đánh giá thuộc tính chứng cứ của thông điệp dữ liệu. |
|  | Bổ sung mới | **Điều 14. Chuyển đổi hình thức giữa văn bản giấy và thông điệp dữ liệu**  1. Chuyển đổi hình thức từ văn bản giấy sang thông điệp dữ liệu  Thông điệp dữ liệu có được từ việc số hoá các văn bản giấy có giá trị như bản gốc *dạng* văn bản giấy nếu đáp ứng các điều kiện sau:  d) Trong thông điệp dữ liệu đã bổ sung thêm thông tin khẳng định việc chuyển đổi hình thức từ bản giấy sang thông điệp dữ liệu và thông tin cá nhân, tổ chức thực hiện việc chuyển đổi; | Đề nghị sửa điểm d, khoản 1, Điều 14 thành: C**ó bằng chứng** khẳng định việc chuyển đổi hình thức từ bản giấy sang thông điệp dữ liệu và thông tin cá nhân, tổ chức thực hiện việc chuyển đổi;  Lý do: Nếu có thể sửa được nội dung thông điệp dữ liệu bằng cách bổ sung thông tin như khoản d này thì tính nguyên vẹn của thông điệp dữ liệu không được đảm bảo và có thể loại trừ thuộc tính chứng cứ của thông điệp dữ liệu. |